

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+CLO	7:25	1+21	0+0		0+16	0+0	
2		BK8+TD2	7:25	4+18	0+0		0+14	0+0	
3		CLO+P11	9:25	4+18	0+0		0+17	0+0	
4		TD3+BK6	9:25	21+0	0		18+3	0	
5		TD5+AMD	11:25	22+0	0+0		15+3	0+0	
6		TD2+TTCl+TD1	11:25	7+0+14	0+0+0		3+0+16	0+0+0	chuyen 1 ttcl-td1
7		PVD8+SAVR+TD5	13:25	2+1+15	0+0+0		0+3+4	0+0+0	
8		P11	13:25	22	0		13	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP1 - CLO	CREW: VTHẮNG - ĐNAM - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0276	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TUẤN TÚ	RP1	64-65	2	14			86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIỀN SINH	CLO	01	1	9	4	54	67	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	92	1	6	2	25	65	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ MINH TÚ	CLO	89	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	85	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM MẠNH HÙNG	CLO	91	1	10			58	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	84	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN BÓN	CLO	83	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TAM	CLO						65	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	87	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM HUY THƯƠNG	CLO	90	1	11			86	DATAKAN	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG HẬU	CLO	93	1	10			60	DATAKAN	Vietnamese
13	VŨ NHƯ CƯỜNG	CLO	95	1	7			65	DATAKAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH VANG	CLO	94	1	11			68	DATAKAN	Vietnamese
15	LÊ MẠNH THẮNG	CLO	88	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO						82	KHOAN	Vietnamese
17	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	96-97	2	12			62	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HUY	CLO	02	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG LINH	CLO	03	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	CLO	98-99	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	CLO	86	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN HIỆU	CLO	400	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	1	86	2	14	0	0	0		
2	CLO	21	1.489	21	173	6	79	16		
TOTAL		22	1.575	23	187	6	79	16		
WEIGHT KG			1.575		187		79			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK8 - TD2	CREW: QVIET - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0280	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK8	57-58	2	15	2	30	57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SOAI	BK8	55-56	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	BK8	59-60	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG SƠN	BK8	61	1	10	1	15	84	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	58	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH ANH	TD2	53	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	45	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	54	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MAI NAM	TD2	50	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ HIỆU	TD2	55	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM THANH GIANG	TD2	47	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
12	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD2	52	1	6			63	YTE	Vietnamese
13	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	48-49	2	13			68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD2	46	1	13			92	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ THANH THAI*	TD2	59	1	13			98	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TIẾN	TD2	60	1	7			96	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THỂ DŨNG	TD2	61	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC ĐẠT	TD2	51	1	13			69	CODIEN	Vietnamese
19	PHÙNG BA ĐỆ	TD2	42-44	3	16			73	CODIEN	Vietnamese
20	CAO XUÂN DŨNG	TD2	62-63	2	16			73	CODIEN	Vietnamese
21	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	TD2	56	1	12			66	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN PHU	TD2	57	1	17			67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	4	295	7	57	3	45	0		
2	TD2	18	1.348	22	175	0	0	14		
TOTAL		22	1.643	29	232	3	45	14		
WEIGHT KG			1.643		232		45			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: CLO - P11	CREW: VTHANG - ĐNAM - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0277	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU THAI THANH	CLO	09-10	2	17			77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM NGOC HOA	CLO				2	25	62	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG HUU THU	CLO	07	1	5			76	PSV	Vietnamese
4	LAI DINH HAI	CLO	08	1	8			80	PSV	Vietnamese
5	GUSEINOV MAXIM	P11	45	1	6			83	KHOAN	Russian
6	NGUYEN VAN THUC	P11	77-78	2	13			82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN XUAN	P11	49	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG THUY	P11						69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HAO	P11	18	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN ĐAM	P11	76	1	7			89	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DOAN BAO TRUNG	P11	48	1	9			76	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN LEN	P11	17	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HONG NGU	P11	20	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DUNG	P11	19	1	13			70	ANTOAN	Vietnamese
15	NGO HONG GIANG	P11	70	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
16	THACH QUOC DO *	P11	75	1	9			87	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN SON	P11	14-15	2	11			57	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VIET MINH	P11	16	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN ĐUC ON	P11	72	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HAI NAM	P11	71	1	15			81	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG BA ĐUC	P11				2	22	84	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN DANH HANH	P11	46-47	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	4	295	4	30	2	25	0		
2	P11	18	1.312	19	131	2	22	21		
TOTAL		22	1.607	23	161	4	47	21		
WEIGHT KG			1.607		161		47			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THINH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: TD3 - BK6	CREW: QVIET - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0281	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM QUANG TRUNG	TD3	64	1	10	2	30	77	D-HANH	Vietnamese
2	OLENIK IVAN	TD3	77	1	3			75	KHOAN	Russian
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	75	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VĂN THẮNG	TD3	83	1	15			69	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM HUNG DƯƠNG	TD3	73	1	3			99	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG*	TD3	71-72	2	6			75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	66-67	2	15			52	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG MINH PHÚC	TD3	62-63	2	8			76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	65	1	2			80	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	76	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	78	1	8			89	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	69	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM HỮU HUÂN	TD3	70	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG HỮU VINH QUY	TD3	85	1	13			79	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ HOANG VŨ	TD3	84	1	7			67	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TRANG	TD3	91	1	13			63	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	TD3	74	1	9			72	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	68	1	8			69	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	81	1	10	1	14	68	DVL	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	TD3	79-80	2	22			72	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐỨC	TD3	88	1	10	2	23	72	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.532	25	194	5	67	18		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	1.532	25	194	5	67	21		
WEIGHT KG			1.532		194		67			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TIM-3	TO: TD5 - AMD	CREW: KHOAN - CHIEN - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0278	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU MANH THANG	TD5	21	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TAN TAI	TD5	23	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN HUY	TD5	09	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOA	TD5	01	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
5	DOAN HA MINH TUAN	TD5	06	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN TOAN	TD5	14	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
7	VU LONG PHI	TD5	18	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU LOC	TD5	15-16	2	17			78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUY DUNG	TD5	05	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
10	QUACH VAN TOI	TD5	24	1	7			84	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN CHIEN	TD5	17	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN QUANG	TD5	26-27	2	14			82	KHOAN	Vietnamese
13	BUI QUANG MANH	TD5	12-13	2	12			76	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM NGUYEN TRUNG KIEN	TD5	07-08	2	16			92	KHOAN	Vietnamese
15	LUU XUAN HANH	TD5	10	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
16	Dinh Van Bac	TD5	11	1	13			67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DAT	TD5	25	1	10			52	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN YEN	TD5	19-20	2	5			47	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN TRI	TD5	22	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
20	DOAN VAN MUOI	TD5	04	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
21	LE NGOC LUAN	TD5	02	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
22	DAO DUY DIEP	TD5	03	1	13			79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	22	1.594	27	194	0	0	15		
2	AMD	0	0	0	0	1	6	3		
TOTAL		22	1.594	27	194	1	6	18		
WEIGHT KG			1.594		194		6			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD2 - TTC1 - TD1	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0282	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LE TRONG TUYEN	TD2	49-50	2	11	1	18	62	CODIEN	Vietnamese
2	QUACH SY TY	TD2	46-48	3	22			68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC NINH	TD2	43	1	17			75	DVL	Vietnamese
4	MAI HUY TU	TD2	45	1	14			58	DVL	Vietnamese
5	PHAN VAN HONG	TD2	44	1	6			72	PSV	Vietnamese
6	TRAN HUNG ANH	TD2	41	1	5			69	PSV	Vietnamese
7	LE VAN GIAP	TD2	42	1	4			63	PSV	Vietnamese
8	BADRETDINOV EDGAR	TD1	04	1	9	1	20	77	KHOAN	Russian
9	DANG VIET KHOI	TD1						74	KHOAN	Vietnamese
10	DINH VAN TRONG	TD1	11-12	2	7			71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THIEU	TD1	08	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DUC TUAN	TD1	09	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
13	DINH DUC TIEN	TD1	10	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN SANG	TD1	13	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VAN NINH*	TD1	05	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC DUNG	TD1	06-07	2	16			62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN NINH	TD1	17-18	2	12			69	YTE	Vietnamese
18	MAI ANH TUAN	TD1	14	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC KHANH	TD1	15-16	2	10			62	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM DINH LO	TD1	01-02	2	10			60	KHOAN	Vietnamese
21	VU HOANG QUAN	TD1	03	1	4			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	7	467	10	79	1	18	3		
2	TTC1	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX TTC1-TD1	
3	TD1	14	966	18	102	1	20	16		
TOTAL		21	1.433	28	181	2	38	19		
WEIGHT KG			1.433		181		38			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: PVD8 - SAVR - TD5	CREW: KHOAN - CHIEN - HUY	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0279	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	OLIVEIRA FARIA JOAO PEDRO	PVD8	79-80	2	17	2	30	68	NHATHAU	Portuguesa
2	NGUYEN VAN CHU*	PVD8	78	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
3	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	14-15	2	8			72	AMNGR	Russian
4	NGUYEN PHUOC TAM	TD5	48	1	8			86	C TY KT CH	Vietnamese
5	VU QUOC VIET	TD5	43	1	7			82	PSV	Vietnamese
6	LE KA NUOL*	TD5	53	1	6			77	C TY KT CH	Vietnamese
7	ĐAO VAN DUNG	TD5	52	1	5			76	PSV	Vietnamese
8	LY NHAT TRUONG	TD5	49	1	13			75	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC SON	TD5	47	1	16			72	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN KIM TRUONG	TD5	50-51	2	7			71	C TY KT CH	Vietnamese
11	VU VAN THIEN	TD5	54	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC DUNG	TD5	44	1	6			61	C TY KT CH	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN QUAN	TD5	45	1	7			57	C TY KT CH	Vietnamese
14	LUONG ANH HAI	TD5	48	1	4			56	PSV	Vietnamese
15	PHAM THANH TUNG	TD5	55	1	14			92	KHOAN	Vietnamese
16	BUI XUAN KHANG	TD5	56-57	2	7	3	32	86	C TY KT CH	Vietnamese
17	PHAM LINH	TD5	59	1	6			68	C TY KT CH	Vietnamese
18	TRIEU VAN DONG	TD5	58	1	9			81	C TY KT CH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	2	132	3	27	2	30	1		
2	SAVR	1	72	2	8	0	0	5		
3	TD5	15	1.103	17	129	3	32	4		
TOTAL		18	1.307	22	164	5	62	10		
WEIGHT KG			1.307		164		62			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐỖ VĂN CHIẾN

Có 2 pax mang sắc dư phòng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: TIM-4	TO: P11	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0283	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH HONG SON	P11	77-78	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
2	MAI XUAN TOAN	P11	83	1	8			60	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN SON	P11	40	1	17			73	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN VIET	P11	75-76	2	21			80	XAYLAP	Vietnamese
5	VÔ VĂN QUANG	P11	65	1	7			64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P11	93-94	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG HÌNH	P11	79	1	6			63	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ XUÂN HỒI	P11	35	1	8			71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠNH	P11	71-72	2	15			60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P11	96	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC THUẬN	P11	97	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	P11	69-70	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	P11	84-85	2	15	1	8	63	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN KHA	P11	67	1	8	1	16	67	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI HUU LOI	P11	63-64	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
16	CAO VAN MANH	P11	39	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	P11	29	1	10	1	14	64	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	P11	33	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ TRỌNG HÙNG	P11	36-37	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN SỸ ANH TU	P11	73	1	10	1	16	73	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐINH NGỌC HÙNG	P11	99	1	7			64	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HAI HÙNG	P11	31	1	8			57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	22	1.465	30	278	4	54	9		
TOTAL		22	1.465	30	278	4	54	9		
WEIGHT KG			1.465		278		54			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG